

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST

Ngày 05-6-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng A Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Dương và bà Bạc Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 50/2023/TLST- HN&GD ngày 06 tháng 02 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị N**, năm sinh 1986 – vắng mặt.

Địa chỉ: Bản V, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh **Lường Văn T**, sinh năm 1987 – vắng mặt.

Địa chỉ: Bản V, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/02/2023, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh T chung sống như vợ chồng năm 2009, đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Khong, huyện Tuần Giáo ngày 06/10/2014, anh chị kết hôn tự nguyện không ai ép buộc hoặc lừa dối. Chị N, anh T sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lường Văn T sử dụng ma túy, không chăm lo cho gia đình, lấy tài sản của gia đình đi bán tiêu xài, đánh, đe dọa chị N. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống. Chị N xác nhận không

còn tình cảm với anh T, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn T.

- Về con chung: Chị N, anh T có 03 người con chung là cháu Lương Thị T, sinh ngày 22/5/2009; cháu Lương Thị Ng, sinh ngày 20/02/2011 và cháu Lương Thị C, sinh ngày 06/01/2014. Khi ly hôn chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ba người con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Lương Văn T*: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anh Lương Văn T không có ý kiến, không đến Tòa án. Tiến hành xác minh thì anh Lương Văn T thường xuyên vắng mặt ở nơi cư trú, đi về thất thường mà không rõ thời điểm trở về (BL 37, 41) nên Tòa án không thực hiện được việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án trực tiếp cho anh T. Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho anh T. Do anh T không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo.

Tại phiên tòa: Chị Lò Thị N vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị N vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện. Anh Lương Văn T vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn chị Lò Thị N cơ bản đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Lương Văn T chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn với anh Lương Văn T.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị N giao cháu Lương Thị T, sinh ngày 22/5/2009; cháu Lương Thị Ng, sinh ngày 20/02/2011 và cháu Lương Thị C, sinh ngày 06/01/2014 cho chị Lò Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lương Văn T chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt nguyên đơn: Chị Lò Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

[1.2] Về sự vắng mặt bị đơn: Anh Lương Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Lò Thị N về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Lương Văn T và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Lương Văn T có nơi cư trú tại bản Vánh III, xã Chiềng Đông, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

[2] Về áp dụng pháp luật: Chị Lò Thị N và anh Lương Văn T kết hôn năm 2014. Tòa án áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N và anh Lương Văn T kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Khong, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên, căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 06/10/2014 của UBND xã Mường Khong (BL 02, 03). Chị N thừa nhận hai người kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc hoặc lừa dối. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình 2000.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Theo kết quả xác minh đối với gia đình và địa phương nơi cư trú, **nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh Lương Văn T sử dụng ma túy, lấy tài sản của gia đình đi bán tiêu xài cá nhân nên vợ chồng xung đột, cãi chửi nhau. Chị N và các con đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị N ở từ tháng 02 năm 2022, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay** (BL 35, 39). Hội đồng xét xử xét thấy do anh T sử dụng ma túy, lấy tài sản đồ đạc trong gia đình bán tiêu xài nên đời sống chung vợ chồng luôn xung đột, cãi chửi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt nên chị N không muốn duy trì hôn nhân với anh T và đã đưa con chung chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân là có căn cứ. Từ khi sống ly thân anh chị đã “bỏ mặc cho nhau muốn sống ra sao thì sống”, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 17, 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những phân tích trên thể hiện hôn nhân của

chị N, anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị N.

[4] Về con chung: Chị N, anh T có ba người con chung là cháu Lường Thị T, sinh ngày 22/5/2009; cháu Lường Thị Ng, sinh ngày 20/02/2011 và cháu Lường Thị C, sinh ngày 06/01/2014. Chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ba con chung.

Hội đồng xét xử thấy chị N ngoài làm ruộng, còn đi làm công nhân phụ xây thu nhập bình quân **7.000.000đồng đến 8.000.000đồng/tháng và** nguyện vọng của con muốn ở cùng với chị N, không đồng ý ở với anh T. Còn anh T sử dụng ma túy, thường xuyên vắng mặt ở nơi cư trú, đi về thất thường, từ khi vợ chồng sống ly thân các con do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không đóng góp gì vào việc nuôi con. Căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh thực tế của hai bên, nguyện vọng của con và xem xét quyền lợi về mọi mặt cho con nên giao cho chị Lò Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị N không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị N không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị Lò Thị N là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn án phí. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị N.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo là phù hợp, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 69, 71, 72; khoản 1, khoản 2 Điều 81; 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lò Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị N được ly hôn anh Lường Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lường Thị T, sinh ngày 22/5/2009; cháu Lường Thị Ng, sinh ngày 20/02/2011 và cháu Lường Thị C, sinh ngày

06/01/2014 cho chị Lò Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị Lò Thị N chưa yêu cầu anh Lường Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị N có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; anh Lường Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Lò Thị N và anh Lường Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lò Thị N được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lò Thị N, anh Lường Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- UBND xã Mường Khong, huyện Tuần Giáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giàng A Tăng

